

BÁO CÁO

Tình hình, kết quả thực hiện chuyển đổi số 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2024

Thực hiện Kế hoạch số 03-KH/BCĐCĐS, ngày 14/3/2024 của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số về hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh năm 2024. Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh báo cáo tình hình, kết quả thực hiện chuyển đổi số 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2024, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo chuyển đổi số

Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 03-KH/BCĐCĐS, ngày 14/3/2024 hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh năm 2024; Ban Điều hành chuyển đổi số tỉnh ban hành Kế hoạch số 1446/KH-BĐHCĐS ngày 04/4/2024 của Ban Điều hành chuyển đổi số về triển khai thực hiện chuyển đổi số năm 2024 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. Thực hiện chỉ đạo của Ban Chỉ đạo, Ban Điều hành Chuyển đổi số các sở, ban, ngành, địa phương đã xây dựng và ban hành các kế hoạch tổ chức thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và điều kiện thực tế của địa phương, cơ quan, đơn vị¹.

2. Kết quả thực hiện các mục tiêu

Ngay từ đầu năm, trên cơ sở chủ đề chuyển đổi số quốc gia và tình hình thực tiễn của tỉnh, Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh xác định chủ đề chuyển đổi số tỉnh năm 2024 là “*Phát triển kinh tế số với 4 trụ cột: Thương mại điện tử-thanh toán không dùng tiền mặt; Số hóa các ngành kinh tế; Quản trị số; Dữ liệu số, tạo động lực quan trọng cho phát triển kinh tế-xã hội nhanh và bền vững*”. Với sự quan tâm chỉ đạo, điều hành quyết liệt của cấp ủy, chính quyền các cấp, cùng với sự đoàn kết, quyết tâm, nỗ lực phấn đấu của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và người dân, công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh 6 tháng đầu năm đã có nhiều chuyển biến tích cực, có 16/28 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch; còn 3/28 chỉ tiêu chưa đạt kế hoạch, trong đó có 9/28 chỉ tiêu chưa có số liệu đánh giá, cụ thể².

¹ 100% cơ quan, đơn vị đã thành lập Ban chỉ đạo CĐS và ban hành Kế hoạch CĐS năm 2024; Thành lập 65 Tổ công nghệ số (CNS) cộng đồng cấp xã, phường, thị trấn; 446 Tổ CNS cấp thôn với 2.439 thành viên. Có 50 đơn vị đăng ký sản phẩm chuyển đổi số/65 sản phẩm.

² xem phụ lục

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

1. Phát triển nền tảng cho chuyển đổi số

1.1. Công tác truyền thông, nâng cao nhận thức số, kỹ năng số

- *Kết quả đạt được:* Các cơ quan, đơn vị đã tổ chức triển khai các nhiệm vụ để nâng cao nhận thức số; công tác truyền thông về chuyển đổi số được quan tâm thực hiện, thường xuyên cập nhật, phổ biến trên phương tiện truyền thông, cổng/trang thông tin điện tử, thông qua mạng xã hội, trọng tâm là quán triệt triển khai chủ đề, quan điểm chỉ đạo và các nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số năm 2024. Qua đó cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, nhất là người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh đã nhận thức rõ hơn về vai trò, trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số gắn với triển khai thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị, địa phương.

- *Hạn chế:* Chưa xây dựng kế hoạch tổ chức ngày chuyển đổi số Quốc gia.

1.2. Hoàn thiện thể chế chính sách

- *Kết quả đạt được:* Tỉnh đã kịp thời cụ thể hóa các văn bản của Chính phủ, Bộ, ngành về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, chuyển đổi số nhằm tạo ra môi trường pháp lý thuận lợi cho việc đẩy mạnh ứng dụng và phát triển Chính quyền điện tử của tỉnh³. Chủ động liên kết, thu hút các thành phần kinh tế tham gia hoạt động chuyển đổi số; ưu tiên mua sắm sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin trong nước và thuê dịch vụ công nghệ thông tin theo quy định. Thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến giao dịch điện tử trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. Tiếp tục huy động nguồn lực, thế mạnh từ các tập đoàn, doanh nghiệp lớn trong việc hợp tác, hỗ trợ phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số tại tỉnh.

- *Về hạn chế:* Chưa xây dựng được chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức làm công nghệ thông tin và chính sách ưu đãi cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin; chưa tham mưu ban hành kế hoạch triển khai thi hành Luật giao dịch điện tử.

1.3. Phát triển hạ tầng số

- *Kết quả đạt được:* Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông mở rộng, nâng cao chất lượng đường Internet cáp quang băng rộng; phủ sóng di động trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo khẩn trương hoàn thành kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia (CSDLQG) về

³ Bao gồm: Ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử phù hợp Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 3.0; Chuẩn hóa quy trình tác nghiệp tại các cơ quan; chuẩn hóa các quy trình, tiêu chuẩn chuyên ngành, quy định về tạo nguồn thông tin, trao đổi, chia sẻ thông tin giữa các đơn vị được thuận lợi và an toàn; Quy định quản lý các dự án ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng, khai thác các hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh.

dân cư, làm sạch thông tin thuê bao di động và xử lý triệt để tình trạng SIM rác. Hạ tầng mạng truyền dẫn cáp quang cung cấp dịch vụ internet cố định băng rộng và dịch vụ truy nhập internet 3G, 4G được phủ đến 100% số thôn trên địa bàn tỉnh; thử nghiệm 75 trạm 5G trên địa bàn thành phố Phan Rang-Tháp Chàm⁴. Triển khai chương trình hỗ trợ các dịch vụ viễn thông cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn.

- *Hạn chế*: Phát triển hạ tầng số còn nhiều khó khăn, thách thức, chưa đáp ứng được yêu cầu. Hạ tầng công nghệ thông tin chưa mở rộng năng lực tính toán, lưu trữ để triển khai các ứng dụng cho điện toán đám mây như tính toán song song, trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, xử lý dữ liệu lớn.

1.4. Số hóa nguồn dữ liệu

- *Kết quả đạt được*: Tỉnh đã ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Ninh Thuận⁵. Các cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu thuộc Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung và dữ liệu mở thực hiện kết nối, tích hợp các dữ liệu về hệ thống quản lý và chia sẻ cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh. Số hóa tài liệu lưu trữ cơ quan, xây dựng cơ sở dữ liệu kết quả giải quyết thủ tục hành chính, làm giàu Kho dữ liệu điện tử trực tuyến của người dân, tổ chức và số hóa trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính gắn với định danh công dân theo Đề án 06. Khối các cơ quan đảng triển khai phần mềm Hệ thống thông tin chuyên ngành Tổ chức - xây dựng Đảng (quản lý CSDL đảng viên, Kho hồ sơ bảo vệ chính trị nội bộ, quản lý cán bộ, công chức).

- *Hạn chế*: Các sở, ban, ngành chưa công khai danh mục dữ liệu mở, tỷ lệ cung cấp dữ liệu mở theo danh mục chưa đạt mục tiêu đề ra. Các cơ sở dữ liệu còn mang đặc thù riêng của từng cơ quan, ngành, lĩnh vực; chưa xây dựng và công bố những tiêu chuẩn chung để thuận lợi cho việc cập nhật và khai thác dữ liệu; việc triển khai và chia sẻ dữ liệu các hệ thống thông tin còn nhiều khó khăn, thiếu tính đồng bộ, kết nối.

⁴ Về hạ tầng công nghệ thông tin (CNTT) trong cơ quan nhà nước (CQNN): 100% CBCCVC được trang bị máy tính; 100% CQNN đều có mạng nội bộ, kết nối mạng Internet băng rộng, mạng diện rộng của tỉnh và các Bộ, ngành Trung ương; mạng truyền số liệu chuyên dùng (TSLCD) cấp II đã được triển khai, kết nối từ Trung ương đến cấp xã. Hiện nay, 100% cán bộ công chức được trang bị máy tính; 100% các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và cấp xã đã có mạng nội bộ (LAN); 19 Sở ban ngành, 7 huyện, thành phố và 65 xã, phường, thị trấn đã kết nối mạng diện rộng (WAN) của tỉnh thông qua mạng truyền số liệu chuyên dùng của Đảng và Nhà nước phục vụ truy cập internet và các phần mềm dùng chung, dịch vụ giám sát an toàn thông tin, và tất cả các hệ thống thông tin của các ngành,... 100% cơ quan nhà nước của tỉnh sử dụng dịch vụ trên hạ tầng điện toán đám mây của tỉnh.

Hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số tại Văn phòng Tỉnh ủy được đầu tư lắp đặt, cài đặt tập trung tại Trung tâm tích hợp dữ liệu dùng chung của Tỉnh ủy nhằm quản trị, vận hành hệ thống một cách tập trung, thống nhất, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cả mạng trong và mạng ngoài, được trang bị đầy đủ trang thiết bị đảm bảo hoạt động liên tục 24/24. 100% cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; các huyện, thành ủy và các đảng ủy trực thuộc sử dụng hệ thống đường truyền mạng số liệu chuyên dùng (Trung ương 01Mb, nội tỉnh 2Mb) phục vụ cho việc trao đổi, chia sẻ thông tin, triển khai các ứng dụng dùng chung, các hệ thống thông tin chuyên ngành của các cơ quan khối Đảng trên hệ thống mạng thông tin diện rộng của Đảng theo quy định và hướng dẫn của Văn phòng Trung ương Đảng trong mạng thông tin diện rộng của Đảng theo mô hình 2 cấp, phục vụ cho việc triển khai các ứng dụng, phần mềm điều hành tác nghiệp của các cơ quan Đảng như: Phần mềm điều hành tác nghiệp Lotus Notes, Hệ thống thông tin chuyên ngành tổ chức - xây dựng Đảng (CSDL Đảng viên, Kho hồ sơ bảo vệ chính trị nội bộ, Quản lý cán bộ công chức), Hệ thống thông tin chuyên ngành UBKT.

⁵ Quyết định số 321/QĐ-UBND, ngày 23/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

1.5. Xây dựng nền tảng số

- *Kết quả đạt được:* Duy trì và nâng cấp nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh phục vụ cho việc gửi, nhận văn bản điện tử, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị đang hoạt động trên địa bàn tỉnh; công dịch vụ công được xây dựng, cập nhật, kết nối, liên thông các nền tảng số, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Kết nối Cổng dịch vụ công của tỉnh với hệ thống phần mềm dịch vụ công liên thông; kết nối, tích hợp, chia sẻ tài liệu số hóa giữa Cổng dịch vụ công tỉnh với Kho quản lý dữ liệu điện tử trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Nền tảng kho dữ liệu dùng chung của tỉnh (*Data warehouse*) đã hoàn thành và đưa vào sử dụng, hiện đang triển khai tích hợp cơ sở dữ liệu các ngành, chia sẻ, cung cấp dữ liệu mở của tỉnh cho các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và người dân khai thác, sử dụng.

Hệ thống thông tin kinh tế xã hội của tỉnh đã đưa vào vận hành và kết nối với Hệ thống báo cáo của Chính phủ theo quy định. Việc cập nhật số liệu, thực hiện báo cáo trên Hệ thống thông tin kinh tế - xã hội các đơn vị thực hiện đảm bảo đúng thời gian và số liệu cơ bản đảm bảo theo các báo cáo của đơn vị; thực hiện tạo các biểu đồ theo dõi trên hệ thống Báo cáo kinh tế - xã hội đã được thực hiện đầy đủ. Trung tâm Tích hợp dữ liệu (THDL) tỉnh được triển khai theo công nghệ mã nguồn mở để quản lý và tối ưu hóa hạ tầng máy chủ và thiết bị mạng. Duy trì hoạt động thông suốt, ổn định, đảm bảo an toàn, bảo đảm ngăn ngừa các cuộc tấn công từ bên ngoài, khai thác sử dụng 24/7, hạn chế tối đa việc mất an toàn thông tin và dữ liệu.

- *Hạn chế:* Một số hệ thống thông tin giữa các ngành còn rời rạc, thiếu đồng bộ nên việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trở nên khó khăn, hạn chế. Việc duy trì hoạt động, nâng cấp, cập nhật dữ liệu thường xuyên đối với các hệ thống thông tin chuyên ngành còn hạn chế.

1.6. Bảo đảm an toàn thông tin

- *Kết quả đạt được:* Duy trì hoạt động hệ thống giám sát an toàn, an ninh mạng (SOC) và bảo mật dữ liệu cho các hệ thống thông tin Chính quyền số theo mô hình 4 lớp; triển khai đầu tư nâng cấp hệ thống an toàn thông tin, đảm bảo kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo Đề án 06/CP; triển khai đầu tư trang bị hệ thống tường lửa, phần mềm diệt virus, hệ thống lưu trữ dữ liệu dự phòng; ban hành các chính sách đảm bảo an toàn thông tin cho hệ thống; thường xuyên theo dõi, rà soát, cập nhật kịp thời các lỗ hổng bảo mật cho hệ thống máy chủ, hệ thống máy tính và hệ thống mạng của cơ quan, đơn vị; xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ cấp độ an toàn thông tin và phương án đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ đối với hệ thống mạng theo quy định⁶.

⁶ Triển khai sử dụng nền tảng ứng cứu sự cố cho các thành viên Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin của tỉnh, với 30 thành viên; theo dõi triển khai khắc phục kịp thời các lỗ hổng bảo mật theo cảnh báo của Cục An toàn thông tin; tiếp tục rà soát, đầu tư nâng cấp hạ tầng thông tin để bảo đảm an toàn, an ninh mạng khi triển khai kết nối, khai thác CSDLQG về dân cư. Hệ thống giám sát an toàn, an ninh mạng (SOC) hoạt động ổn

Triển khai chuẩn hóa kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng, thực thi bảo đảm an toàn thông tin cho mạng truyền số liệu chuyên dùng theo kế hoạch. Xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ đối với 04 hệ thống thông tin quan trọng của ngành Công an theo quy định; kết nối mạng và các hệ thống cơ sở dữ liệu; theo dõi vận hành hệ thống giám sát an ninh kênh truyền phục vụ dự án cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Thực hiện hướng dẫn cho các cơ quan, đơn vị, địa phương phê duyệt hồ sơ đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ.

- *Hạn chế*: Hoạt động tấn công mạng, phát tán mã độc và phần mềm độc hại ngày càng diễn biến phức tạp và nguy hiểm, việc chưa thực hiện thay đổi mật khẩu lần đầu đăng nhập, xem nhẹ việc thay đổi mật khẩu định kỳ, hoặc đặt mật khẩu có mức độ an toàn thấp,... dễ dẫn đến nguy cơ hệ thống thông tin bị tấn công thông qua lỗ hổng từ người dùng.

1.7. Phát triển nguồn nhân lực

- *Kết quả đạt được*: Công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao nhận thức và kỹ năng số các cho cán bộ, công chức, viên chức của các sở, ban, ngành, mặt trận, đoàn thể và địa phương được đẩy mạnh triển khai thực hiện. Phối hợp tổ chức khóa bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà OneTouch cho 1.532 học viên; đào tạo trực tuyến MOOC theo Đề án 06/CP: 717 học viên. Tổ chức Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, nâng cao nhận thức kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, xã: 903 người.

Đến nay, số lượng cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách về công nghệ thông tin của tỉnh hiện có 87 người, có 04 công chức viên chức chuyên trách công nghệ thông tin đã tham gia lớp bồi dưỡng đội ngũ nòng cốt chuyển đổi số; thành lập 446 Tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã, thôn/khu phố với 2.439 thành viên⁷; Trong 6 tháng đầu năm 2024 đã tổ chức 10 lớp (với hơn 386 cán bộ tham gia) tập huấn, hướng dẫn sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Ninh Thuận cho cán bộ quản trị hệ thống các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố; cán bộ, công chức, viên chức thực hiện tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính thuộc các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh.

Văn phòng Tỉnh ủy đã mở các lớp tập huấn triển khai, hướng dẫn sử dụng các nền tảng số và phần mềm thuộc dự án: Ứng dụng công nghệ thông tin cho cán

định, thực hiện tốt việc kết nối, chia sẻ thông tin giám sát, thông tin về mã độc cho Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia theo quy định. Trong 6 tháng đầu năm 2024, công tác bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng của tỉnh được tăng cường và đảm bảo, không có sự cố tấn công mạng xảy ra tại tỉnh. Từ đầu năm đến nay, hệ thống giám sát máy chủ (Viettel CyCir) có 7.250 cảnh báo mức độ trung bình, 3.883 cảnh báo mức độ cao và 2.063 cảnh báo mức độ nghiêm trọng; hệ thống giám sát máy trạm (Viettel Ajjiant) có 17.027 cảnh báo mức độ thấp, 197.785 cảnh báo mức độ trung bình, 86.734 cảnh báo mức độ cao. Các cảnh báo đã được Trung tâm phối hợp với đơn vị giám sát an ninh mạng (Viettel) rà soát, xác minh các tiến trình cảnh báo và xử lý kịp thời, đảm bảo hệ thống luôn hoạt động ổn định, xuyên suốt

⁷ Đã tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số cho 210 cán bộ lãnh đạo UBND cấp xã, 983 thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng và 150 cán bộ Đoàn, đoàn viên thanh niên. Đây là lực lượng nòng cốt để tham gia vào công tác tham mưu triển khai thực hiện công tác chuyển đổi số, đưa nền tảng số, công nghệ số, kỹ năng số đến với người dân, qua đó thúc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số của tỉnh.

bộ làm công tác quản trị mạng các huyện, thành uỷ; phụ trách tin học các cơ quan, tham mưu giúp việc Tỉnh uỷ, Đảng uỷ Khối Cơ quan - Doanh nghiệp tỉnh và các lớp hướng dẫn sử dụng cho người dùng dành cho cán bộ, đảng viên các huyện, thành uỷ; các cơ quan, tham mưu giúp việc Tỉnh uỷ, Đảng uỷ Khối Cơ quan - Doanh nghiệp Tỉnh..⁸.

- *Hạn chế*: Đội ngũ phụ trách chuyển đổi số cấp xã, phường đa phần là kiêm nhiệm, số lượng lại mỏng chủ yếu là lực lượng thanh niên tại chỗ nên còn khó khăn trong việc hướng dẫn cho người dân sử dụng các dịch vụ công, các tiện ích khác. Việc chuyển đổi số trong doanh nghiệp chỉ mới ở giai đoạn bắt đầu, nguồn lực hỗ trợ từ phía nhà nước cho doanh nghiệp chuyển đổi số còn thấp.

2. Phát triển chính quyền số

- *Kết quả đạt được*: Tính đến nay số lượng dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) của tỉnh là 858 DVCTT, trong đó có 377 DVCTT toàn trình và 481 DVCTT một phần⁹. Đồng bộ trạng thái và đã tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia 841/858 DVCTT đạt 98,02%; từ ngày 01/01/2024 đến ngày 05/6/2024 toàn tỉnh đã tiếp nhận được 123.290 hồ sơ, trong đó có 95.516 hồ sơ tiếp nhận trực tuyến, chiếm 77,47%. Đã giải quyết được 122.157 hồ sơ, trong đó số hồ sơ đã giải quyết sớm hạn và đúng hạn chiếm 99,78%, số hồ sơ đã giải quyết trễ hạn là 0,22%.

Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Ninh Thuận đã được nâng cấp hoàn thiện trên các giải pháp công nghệ được cập nhật lên phiên bản mới nhất và được vận hành cấu hình hoàn thiện các quy trình điện tử cho các dịch vụ công trực tuyến. Trên Hệ thống đã kết nối triển bảo đảm tối thiểu 3 phương thức trao đổi thông tin, trạng thái về hồ sơ điện tử giữa người dân và Cổng dịch vụ công: email, SMS, zalo và thông báo trên Cổng dịch vụ công.

Tiếp tục duy trì, triển khai thực hiện Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc không giấy tờ tại Tỉnh uỷ và tất cả các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố. Hệ thống thông tin tổng hợp phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành cấp uỷ, cập nhật thông tin, số liệu cụ thể của từng bộ phận chuyên môn, các đơn vị phục vụ kịp thời công tác tham mưu, tổng hợp góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành trong các cơ quan Đảng, chính quyền và tổ chức chính trị-xã hội tỉnh Ninh Thuận.

Toàn tỉnh hiện có 26/26 Sở, ban, ngành và 7/7 UBND cấp huyện, 65/65 UBND cấp xã đã triển khai Phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc được tích hợp chứng thư số và được gắn mã định danh. Việc trao đổi, xử lý văn bản trên

⁸ Triển khai 09 lớp tập huấn triển khai phần mềm App Sổ tay Đảng viên điện tử cho hơn 22 cán bộ làm công tác quản trị mạng, phụ trách tin học của cơ quan, đơn vị; hơn 1.500 cán bộ, đảng viên đại diện cho các Chi bộ, Đảng bộ thuộc Đảng uỷ Khối Cơ quan - Doanh nghiệp tỉnh và Đảng bộ các huyện, thành phố ...

⁹ Cấp tỉnh 624 DVCTT (308 DVCTT toàn trình và 316 DVCTT một phần); cấp huyện 164 DVCTT (53 DVCTT toàn trình và 111 DVCTT một phần); cấp xã 70 DVCTT (16 DVCTT toàn trình và 54 DVCTT một phần)

môi trường mạng đạt 99,27% đối với cấp tỉnh, 95,91% đối với cấp huyện và 96,72% đối với cấp xã. Việc sử dụng chữ ký số cá nhân toàn tỉnh đạt 97,49%.

Phần mềm quản lý và gửi, nhận văn bản trên mạng Internet E-Office khối Đảng, đoàn thể (*tính từ ngày 01/01/2024 - 10/6/2024*): Đảm bảo 100% văn bản không mật được xử lý, trao đổi thông qua phần mềm; tổng số văn bản đến/đi tiếp nhận, phát hành qua phần mềm E-Office của các đơn vị triển khai: 276.024 văn bản đến (tăng 73,8% so với cùng kỳ năm trước), 26.412 văn bản đi (tăng 38,3% so với cùng kỳ năm trước). Cổng thông tin Đảng bộ Tỉnh 6 tháng đầu năm đăng 329 tin bài (*tăng 100,6 % so với cùng kỳ năm trước*), các trang thành phần đăng tải 2.136 tin bài ¹⁰, tăng 35,8% so với cùng kỳ năm trước. Triển khai áp dụng 02 phần mềm mới do Văn phòng Trung ương triển khai bàn giao: Phần mềm Quản lý tài sản và Phần mềm điều hành tác nghiệp trên nền tảng Microsoft. Hoàn chỉnh việc cài đặt, cấu hình các nền tảng số: App sổ tay Đảng viên, theo dõi triển khai Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng và phần mềm Hội họp không giấy tại Trung tâm tích hợp dữ liệu Tỉnh uỷ.

Trung tâm giám sát an toàn, an ninh mạng (SOC) và điều hành đô thị thông minh (IOC) hoạt động ổn định; giám sát kịp thời phát hiện và xử lý vi phạm về trật tự an toàn giao thông đường bộ tại khu vực thành phố Phan Rang-Tháp Chàm và tuyến Quốc lộ 1A qua địa bàn tỉnh; thực hiện hoàn thành dự án xây dựng đô thị thông minh thành phố Phan Rang - Tháp Chàm giai đoạn 2021-2025 (*đối với hạng mục giải pháp công nghệ*).

Công tác giám sát thông tin trên internet, mạng xã hội và hệ thống phản ánh hiện trường được quan tâm thực hiện, góp phần giải quyết kịp thời kiến nghị, phản ánh của người dân, hoạt động quản lý, điều hành của chính quyền các cấp; Triển khai các Hệ thống thông tin chuyên ngành nhằm đảm bảo dữ liệu được cập nhật, duy trì liên tục. Tổ chức triển khai xây dựng, đưa vào khai thác các cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh theo nhiệm vụ được giao. Hoàn thành kết nối, liên thông 3/6 cơ sở dữ liệu Quốc gia, gồm cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, đặc biệt là kết nối thành công cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Cổng Dịch vụ công tỉnh và tổ chức khai thác có hiệu quả.

- *Hạn chế*: Việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến còn gặp khó khăn; một bộ phận người dân chưa thay đổi thói quen, còn đến trực tiếp cơ quan nhà nước để thực hiện thủ tục hành chính.

3. Phát triển kinh tế số

- *Kết quả đạt được*: Trên địa bàn tỉnh hiện có 810 doanh nghiệp và 114 chi nhánh đang hoạt động có đăng ký ngành nghề thuộc các loại hình sản xuất phần

¹⁰ Văn phòng tỉnh uỷ 120 tin bài, phản ánh các hoạt động của Văn phòng trên các lĩnh vực; các Ban đảng, Đảng uỷ Công an, Đảng uỷ Quân sự, các huyện thành uỷ... đăng tải hơn 2.000 tin bài.

cứng, phần mềm, điện tử, cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin, phân phối sản phẩm công nghệ thông tin. Tỉnh đã ban hành và triển khai quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2024-2028 với tổng số tiền là 28.900 triệu đồng. 100% doanh nghiệp đã triển khai chữ ký số, phần mềm kế toán điện tử và các nền tảng số; 100% doanh nghiệp, hộ kinh doanh đã kê khai đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử.

Thương mại điện tử: Trong 6 tháng đầu năm 2024 duy trì 90 cơ sở, doanh nghiệp tham gia với 350 sản phẩm trên sàn thương mại điện tử của tỉnh. Hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia, đưa sản phẩm quảng bá, kết nối tiêu thụ, thúc đẩy xuất khẩu thông qua các sàn giao dịch thương mại điện tử quốc tế. Đã triển khai thông tin về hỗ trợ tham gia sàn giao dịch thương mại điện tử quốc tế.

Phát triển thanh toán không dùng tiền mặt: Ngân hàng Nhà nước tỉnh đã triển khai kết nối thanh toán với các đơn vị trường học, bệnh viện, công ty điện, công ty cấp thoát nước, công ty vệ sinh môi trường, các công ty viễn thông, bưu chính trên địa bàn đô thị để thanh toán thu học phí, viện phí, tiền điện... bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt, ưu tiên thanh toán trên thiết bị di động, thanh toán qua thiết bị chấp nhận thẻ.

- *Về hạn chế:* Việc thống kê, đánh giá chỉ tiêu chuyển đổi số: Tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ và Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu chưa có cơ sở tính toán.

4. Phát triển xã hội số

- *Kết quả đạt được:* Ngân hàng nhà nước triển khai mỗi người dân trưởng thành có một tài khoản thanh toán số, tiếp tục làm thẻ, ví điện tử cho người dân; tỷ lệ người dân trên 15 tuổi có tài khoản ngân hàng đạt 187,5%. Thanh toán không dùng tiền mặt, ưu tiên thanh toán trên thiết bị di động, thanh toán qua thiết bị chấp nhận thẻ. Kết quả, đến cuối tháng 6/2024, số lượng thẻ đang lưu hành đạt khoảng 700.000 thẻ. Phối hợp triển khai phong trào phường, xã, khu phố không dùng tiền mặt và các sáng kiến thúc đẩy thanh toán số khác. Đẩy mạnh triển khai các nền tảng hỗ trợ giáo dục và dạy học, triển khai thực hiện chuyển đổi số trong trường học các cấp thuộc phạm vi quản lý. Trước hết là ứng dụng công nghệ số hiệu quả trong công tác quản lý, quản trị nhà trường; trong công tác giảng dạy và học tập.

- *Hạn chế:* Triển khai dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt ở một số địa phương vùng nông thôn, dân tộc thiểu số, miền núi là rất khó khăn; tỉ lệ người dân khám chữa bệnh thực hiện thanh toán vẫn còn rất thấp do đa phần người dân đến khám là người lớn tuổi, không dùng điện thoại thông minh, không có tài khoản ngân hàng. Các doanh nghiệp chưa mạnh dạn đầu tư chuyển đổi số trong sản xuất, kinh doanh; hoạt động thương mại điện tử còn nhiều hạn chế, chưa thu hút được nhiều doanh nghiệp và người dân tham gia.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Nhìn chung, các cấp ủy Đảng, chính quyền đã xây dựng các chương trình, kế hoạch để triển khai, đưa ra các mục tiêu, nhiệm vụ, phát triển công nghệ thông tin vào kế hoạch năm, gắn nội dung ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin với các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội; thường xuyên chỉ đạo công tác phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin.

Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức số, kỹ năng số được tiếp tục quan tâm thực hiện, vai trò của thanh niên trong chuyển đổi số được phát huy mạnh mẽ. Định hướng tổng thể về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số của tỉnh và mô hình triển khai cho từng ngành, lĩnh vực, địa phương đang được hiện thực hóa thông qua các đề án, chương trình, nhiệm vụ cụ thể. Các hệ thống nền tảng, ứng dụng và cơ sở dữ liệu trọng điểm của tỉnh từng bước được hình thành, tạo nền móng cho việc triển khai và hoàn thành các mục tiêu ứng dụng công nghệ thông, chuyển đổi số giai đoạn mà tỉnh đã đề ra.

Thực hiện tốt việc kết nối và khai thác sử dụng có hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; công tác số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành được quan tâm triển khai thực hiện. Việc số hoá quy trình, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, điều hành được cấp ủy, chính quyền và cơ quan, đơn vị trong tỉnh tập trung chỉ đạo, quyết liệt thực hiện; dịch vụ công trực tuyến có nhiều chuyển biến tích cực, tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận trực tuyến được nâng lên đáng kể, đặc biệt là ở cấp huyện và cấp xã. Công tác đảm bảo an ninh, an toàn thông tin được triển khai thực hiện tốt, các hệ thống thông tin được bảo vệ theo mô hình 04 lớp, đáp ứng các tiêu chí về an toàn thông tin để kết nối vào cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Nguồn nhân lực từng bước được tăng cường và phát triển; 100% xã, phường, thị trấn và thôn/khu phố thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng. Cơ chế chính sách được ban hành kịp thời; công tác hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số được quan tâm thực hiện; hoạt động thương mại điện tử tiếp tục được tăng cường triển khai thực hiện. Hệ sinh thái công dân số từng bước được hình thành và phát triển.

2. Về hạn chế

Công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức chuyển đổi số còn chậm, nội dung và cách thức triển khai chưa phù hợp theo từng nhóm đối tượng; việc tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức cho người dân vùng sâu, vùng xa, đồng bào dân tộc thiểu số, các đối tượng yếu thế còn khó khăn. Công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp thực hiện các thủ tục hành chính, dịch vụ công qua Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh, Cổng dịch vụ công quốc gia của một số cơ quan, đơn vị, địa phương còn hạn chế.

Phát triển hạ tầng số còn nhiều khó khăn, thách thức, chưa đáp ứng được yêu cầu. Hạ tầng công nghệ thông tin chưa mở rộng năng lực tính toán, lưu trữ để triển khai các ứng dụng cho điện toán đám mây như tính toán song song, trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, xử lý dữ liệu lớn. Công tác tổ chức triển khai, giải ngân các dự án, nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số còn chậm so với tiến độ.

Triển khai xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành còn chậm so với nhu cầu sử dụng, nhất là đối với cơ sở dữ liệu về đất đai. Hầu hết cơ sở dữ liệu của các ngành còn rời rạc, thiếu đồng bộ; chưa kết nối, tích hợp thành cơ sở dữ liệu chung của ngành để kết nối, chia sẻ dữ liệu với kho dữ liệu dùng chung của tỉnh và cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố còn khó khăn trong việc xây dựng, phát triển nguồn dữ liệu của địa phương do một số các cơ sở dữ liệu chuyên ngành chậm triển khai.

Việc tiếp nhận, cập nhật, xử lý và trả kết quả trên hệ thống còn hạn chế chưa đầy đủ, còn nhiều hồ sơ khi tiếp nhận giải quyết không cập nhật trên hệ thống dẫn đến số lượng hồ sơ tiếp nhận, giải quyết và số lượng thủ tục hành chính có phát sinh hồ sơ trên hệ thống là không cao (*chưa đúng với thực tế tiếp nhận, giải quyết hồ sơ tại các sở, ngành, địa phương*). Việc xử lý hồ sơ hầu hết đều do bộ phận một cửa cập nhật kết quả xử lý mà chưa thực hiện tròn quy trình, ký số trên hệ thống; vẫn còn tình trạng chậm cập nhật, trả kết quả trên hệ thống, nhất là đối với các hồ sơ ở cấp huyện; tỷ lệ thủ tục hành chính cung cấp trực tuyến có phát sinh hồ sơ đạt thấp.

Công tác tổng hợp, báo cáo, cung cấp thông tin, số liệu về chuyển đổi số của một số sở, ngành, địa phương, đơn vị chưa đầy đủ, kịp thời, thiếu thông tin để tổng hợp, báo cáo chung của tỉnh.

3. Nguyên nhân

Nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền, nhất là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, sở, ngành, đơn vị, địa phương trên một số vấn đề, lĩnh vực về chuyển đổi số chưa đầy đủ chưa quyết liệt triển khai. Bên cạnh đó, các tổ chức, cá nhân chưa có thói quen và chưa tin tưởng vào việc gửi hồ sơ thủ tục hành chính qua mạng.

Nguồn kinh phí đầu tư cho ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm của tỉnh còn thấp, chưa đáp ứng nhu cầu để triển khai các dự án công nghệ thông tin; chưa có cơ chế, chủ trương huy động các nguồn vốn khác làm ảnh hưởng đến việc triển khai các ứng dụng, công tác duy trì, bảo dưỡng và nâng cấp, thay thế thiết bị công nghệ thông tin. Mức độ sẵn sàng, khả năng tiếp cận công nghệ và nhu cầu chuyển đổi trạng thái, hình thức, môi trường lao động, sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt trong nhân dân và trong cộng đồng doanh nghiệp nhỏ và vừa của tỉnh chưa cao, nhất là những hoạt động đã hình thành thói quen lâu dài (như việc sử dụng tiền mặt, mua sắm, thực hiện dịch vụ hành chính công hay việc quản lý quy trình sản xuất, kinh doanh, bán hàng...).

Danh mục dự án, nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số giai đoạn chậm ban hành; một số cơ quan, đơn vị chưa quan tâm đúng mức đến công tác xây dựng, tổ chức triển khai các nhiệm vụ về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; năng lực một số đơn vị tư vấn còn hạn chế; công tác thẩm định, góp ý đối với các nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số nhiều khó khăn, phức tạp trong khi điều kiện nhân lực làm công tác thẩm định nói riêng và ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số nói chung của cơ quan chuyên trách còn hạn chế.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong doanh nghiệp mới bắt đầu, nguồn lực hỗ trợ từ phía Nhà nước cho doanh nghiệp chuyển đổi số còn thấp; trên địa bàn tỉnh chưa có nhiều doanh nghiệp lớn, có đủ năng lực để cung cấp các dịch vụ công nghệ thông tin hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp. Trình độ dân trí chưa đồng đều, đời sống của một bộ phận nhân dân còn khó khăn, thiếu trang thiết bị để tiếp công nghệ số, lo ngại mất an toàn thông tin khi sử dụng các dịch vụ số.

Chưa có cơ chế đãi ngộ phù hợp cho lực lượng chuyên trách công nghệ thông tin; chính sách hỗ trợ người dân điện thoại thông minh để thực hiện ngừng phát sóng 2G theo lộ trình.

IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 6 CUỐI NĂM 2024

1. Nhiệm vụ

Tiếp tục triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 28/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường công tác chuyển đổi số đến năm 2025; Kế hoạch số 03/KH-BCĐCĐS, ngày 14/3/2024 của Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh và Kế hoạch số 1446/KH-BĐHCĐS, ngày 04/4/2024 của Ban Điều hành chuyển đổi số tỉnh triển khai thực hiện chuyển đổi số năm 2024 trên địa bàn tỉnh.

Phối hợp ban hành chính sách hỗ trợ Chuyển đổi số Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh đến năm 2025; triển khai thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, nâng cao nhận thức kỹ năng số trên địa bàn tỉnh; Chỉ thị về phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số thúc đẩy chuyển đổi số. Tổ chức đánh giá kết quả chuyển đổi số DTI.

Đẩy mạnh triển khai phát triển hạ tầng số, trong đó tập trung phát triển 5G tại trung tâm các huyện, thành phố, các khu công nghiệp, khu du lịch, cơ quan nhà nước; ưu tiên đầu tư nâng cấp hạ tầng số tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh, đảm bảo cho việc kết nối, khai thác sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo Công văn số 1552/BTTTT-THH của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Tiếp tục kết nối, khai thác sử dụng hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo Đề án 06/CP; kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức. Tiếp tục triển khai tích hợp cơ sở dữ liệu

dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành với nền tảng kho dữ liệu dùng chung của tỉnh; đồng thời triển khai xây dựng Cổng dữ liệu mở để cung cấp dữ liệu cho các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và người dân để khai thác sử dụng theo quy định. Đẩy mạnh triển khai thực hiện số hóa hồ sơ, tài liệu, xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

Tiếp tục duy trì và nâng cấp trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC); tăng cường quản lý an ninh mạng, bảo mật thông tin và an toàn dữ liệu, bảo đảm an toàn thông tin theo mô hình 4 lớp. Rà soát, đầu tư nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh, bảo đảm an toàn, an ninh mạng khi triển khai kết nối, khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định.

Tập trung triển khai thực hiện dự án chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025 và dự án Ứng dụng công nghệ thông tin các cơ quan Đảng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025 đảm bảo thiết thực, hiệu quả, đúng quy trình, quy định.

Về chính quyền số: Tiếp tục tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp thực hiện ký số, xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đảm bảo đạt được các mục tiêu đề ra; đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, nâng cao tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được tiếp nhận, xử lý trực tuyến. Tập trung triển khai thực hiện hoàn thành các sản phẩm chuyển đổi số, phấn đấu mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương hoàn thành ít nhất một sản phẩm chuyển đổi số năm 2024. Đánh giá kết quả chương trình hợp tác giữa tỉnh với FPT, VNPT, Viettel... về chương trình chuyển đổi số, làm cơ sở thúc đẩy công việc tiếp theo có trọng tâm, trọng điểm.

Về kinh tế số: Đẩy mạnh triển khai hiệu quả chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số; đẩy mạnh hoạt động thương mại điện tử, đưa các sản phẩm lên sàn thương mại điện tử; thúc đẩy việc sử dụng hóa đơn điện tử, gắn với phát triển kinh tế số, phổ cập chữ ký số, đảm bảo 100% doanh nghiệp sử dụng các nền tảng số, hóa đơn điện tử.

Về xã hội số: Tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện việc cấp danh tính số/tài khoản định danh điện tử cho người dân; tiếp tục triển khai và nhân rộng hồ sơ bệnh án điện tử trên địa bàn tỉnh; đẩy mạnh hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt, tạo thuận lợi tối đa cho người dân trong thực hiện các giao dịch. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại địa phương để phổ cập kỹ năng số cho người dân thực hiện chuyển đổi số, phát triển kinh tế - xã hội.

2. Giải pháp

Tăng cường sự lãnh đạo các cấp ủy đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, nâng cao tinh thần trách nhiệm, nhất là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, sở

ngành, địa phương. Chú trọng việc đào tạo, bồi dưỡng, kỹ năng sử dụng công nghệ số cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Đẩy mạnh công tác truyền thông về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trong cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân trên địa bàn tỉnh. Thực hiện nhiều hình thức thông tin tuyên truyền như: xây dựng chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, tọa đàm, hội thảo, các chương trình truyền hình, các giải pháp truyền thông hiện đại để tuyên truyền rộng rãi về các kế hoạch, hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin của tỉnh; nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen hành vi, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, tăng cường ứng dụng, sử dụng hợp đồng điện tử trong giao dịch của các cơ quan Nhà nước.

Tiếp tục đầu tư, phát triển hạ tầng số trên cơ sở kết hợp mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, mạng Internet để kết nối liên thông và chia sẻ các cơ sở dữ liệu, ứng dụng dùng chung, thông tin chuyên ngành... xuyên suốt từ tỉnh đến xã, phường, thị trấn. Tăng cường công tác số hóa lưu trữ, hoàn chỉnh các quy định, quy chế bảo đảm an toàn thông tin mạng đảm bảo đúng theo quy định.

Huy động các nguồn lực thực hiện chuyển đổi số, lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, đề án có liên quan, nguồn đầu tư của doanh nghiệp, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Triển khai phối hợp kết nối nhà nước, doanh nghiệp, các tổ chức chuyển đổi số trong thúc đẩy chuyển đổi số tỉnh.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông,
- Các đồng chí UV Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các huyện, thành ủy, đảng ủy,
- Các sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh,
- Ban Điều hành chuyển đổi số,
- Thành viên Ban Chỉ đạo,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

BÍ THƯ

kiêm

TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO



Nguyễn Đức Thanh

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CỤ THỂ NĂM 2024
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 04-BC/BCDCDS ngày 07/8/2024
của Ban Chi đạo chuyển đổi số)



STT	Mục tiêu	Đơn vị thực hiện	Mục tiêu năm 2024	KQTH 6 tháng đầu năm 2024	Ghi chú
I	Phát triển hạ tầng số				
1	Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ sóng	Sở Thông tin và Truyền thông			
	- Hộ gia đình	Các doanh nghiệp viễn thông	trên 90%	86,32%	Chưa đạt (theo số liệu của Cục Viễn thông)
	- Thôn/khu phố	Các doanh nghiệp viễn thông	100%	100%	Đạt
	Triển khai phủ sóng mạng 5G	Các doanh nghiệp viễn thông	Triển khai tại thành phố PR-TC	Đã triển khai lắp đặt, tích hợp 75 vị trí trạm 5G	Đạt
2	Tỷ lệ dân số có điện thoại thông minh	Sở Thông tin và Truyền thông	85%	87,44%	Đạt và vượt 2,44% (theo số liệu của Cục Viễn thông)
3	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có điện thoại thông minh	Sở Thông tin và Truyền thông	100%		Chưa có số liệu đánh giá
4	Tỷ lệ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng	Sở Thông tin và Truyền thông	75%	83,77%	Đạt và vượt 8,77% (theo số liệu của Cục Viễn thông)
5	Cơ quan nhà nước được kết nối vào mạng truyền số liệu chuyên dùng cơ quan Đảng và Nhà nước	Các cơ quan, ban, ngành	100%	100%	Đạt
II	Phát triển Chính quyền số				
1	DVCTT toàn trình được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động	Các cơ quan, ban, ngành	100%	100%	Đạt
2	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ	Các cơ quan, ban, ngành	60%	53,5%	Chưa đạt
	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính (TTHC) được tiếp nhận, xử lý trực tuyến	Các cơ quan, ban, ngành	70%	77,47%	Đạt và vượt 7,47%
3	Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi BMNN)	Các cơ quan, ban, ngành			
	- Cấp tỉnh		100%	99,27%	Chưa đạt
	- Cấp huyện		95%	95,91%	Đạt và vượt 0,91%
	- Cấp xã		75%	96,72%	Đạt và vượt 21,72%
4	Tỷ lệ báo cáo định kỳ, báo cáo tổng kê về kinh tế xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành được thực hiện qua hệ thống báo cáo điện tử của tỉnh; kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa hệ thống báo cáo tỉnh với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ	Các cơ quan, ban, ngành	95%	100%	Đạt và vượt 5%

STT	Mục tiêu	Đơn vị thực hiện	Mục tiêu năm 2024	KQTH 6 tháng đầu năm 2024	Ghi chú
5	Kết nối, liên thông các cơ sở dữ liệu quốc gia tạo nền tảng phát triển Chính phủ số	Các cơ quan, ban, ngành	Kết nối CSDL về dân cư, đất đai, đăng ký doanh nghiệp, tài chính, bảo hiểm	Đã triển khai kết nối CSDL về dân cư, đăng ký doanh nghiệp, tài chính, bảo hiểm	Đạt
	Tỷ lệ cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở đầy đủ theo danh mục	Các cơ quan, ban, ngành	50%		Chưa có số liệu đánh giá (Ước cuối năm 2024 sẽ đạt chỉ tiêu này)
6	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện-thành phố công khai danh mục dữ liệu mở	Các cơ quan, ban, ngành			Hiện đang triển khai, chưa có số liệu báo cáo
7	Tỷ lệ hài lòng của người dân đối với Chính quyền số	Các cơ quan, ban, ngành	90%		Chưa có số liệu đánh giá
8	Tỷ lệ hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	Các cơ quan, ban, ngành	30%		Chưa có số liệu đánh giá
9	Mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương phấn đấu hoàn thành ít nhất một sản phẩm chuyển đổi số	Các cơ quan, ban, ngành	100%		Chưa có số liệu đầy đủ Hiện nay, có 50 cơ quan, đơn vị đã đăng ký/65 sản phẩm CDS
III	Phát triển kinh tế số và xã hội số				
1	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP của tỉnh	Sở KHĐT	12%	-	Chưa có số liệu đánh giá (số liệu năm 2023 là 9,56%)
2	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số	Sở KHĐT	30%	100%	Đạt và vượt 70%
3	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử	Cục Thuế tỉnh	100%	100%	Đạt
4	Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu	Các cơ quan, ban, ngành	7%	-	Chưa có số liệu đánh giá
5	Tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ	Sở Công thương	7%	-	Chưa có số liệu đánh giá
6	Sản phẩm OCOP của tỉnh được đăng tải trên các sàn thương mại điện tử nội địa	Sở Công thương	100%	100%	Đạt
7	Tỷ lệ người dân từ đủ 15 tuổi trở lên số có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	Ngân hàng Nhà nước	70%	187,5%	Đạt và vượt 117,5% Số liệu do NHHH cung cấp
8	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử	Sở Y tế	Trên 90%	93,9%	Đạt và vượt 3,9% (Báo cáo của Sở Y tế)